

Tiên Minh, ngày 06 tháng 5 năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục
Năm học 2021 -2022

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thực hiện công văn số 338/GDĐT ngày 15/9/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tiên Lãng về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2021-2022. Trường mầm non Tiên Minh báo cáo kết quả thực hiện công tác công khai đối với cơ sở giáo dục năm học 2021-2022 như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO VỀ CÔNG TÁC CÔNG KHAI CỦA ĐƠN VỊ

Nhà trường đã quán triệt, tuyên truyền Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Đối tượng được tuyên truyền, quán triệt là CBGVNV trong nhà trường. Kết quả tuyên truyền: 100% CBGVNV nắm được nội quy, quy định của thông tư ban hành. Thực hiện tốt nghị quyết chi bộ nhà trường đề ra. Phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ cho từng thành viên, triển khai thực hiện công khai đối với các bộ phận, cá nhân nghiêm túc thực hiện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG KHAI GIÁO DỤC

1. Những nội dung công khai đã thực hiện

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, chính xác, trung thực các nội dung công khai theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Cụ thể như sau:

1.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế:

(có Biểu mẫu số 01, 02 kèm theo)

1.2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục: về cơ sở vật chất; đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

(có Biểu mẫu số 03,04 kèm theo)



1.3. Công khai thu chi tài chính:

a) Công khai dự toán, quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước, kể cả phần điều chỉnh giảm hoặc bổ sung đã được Ủy ban nhân dân huyện Tiên Lãng giao năm 2021; 2022

(*Biểu mẫu số 03 kèm theo*).

b) Công khai các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của học sinh, cha mẹ học sinh và các tổ chức, cá nhân (bao gồm học phí và các khoản thu khác theo từng năm học, các khoản tài trợ,...)

- Công khai căn cứ thu, mục đích thu, đối tượng thu, mức thu, nội dung chi; dự toán - quyết toán thu, chi.

(*có Biểu mẫu số 04 kèm theo*)

c) Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

2. Đối tượng được công khai

- Công khai với cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường; các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền: Tất cả các nội dung đã nêu tại mục 1, phần II.

- Công khai với học sinh và cha mẹ học sinh: Các nội dung công khai đã nêu tại khoản 1.1; 1.2; 1.3 (điểm b, c).

- Công khai với các tổ chức, cá nhân tài trợ: Các nội dung thu, chi liên quan đến tài trợ.

3. Thời điểm, thời gian công khai đã thực hiện

Nêu hình thức, thời điểm, thời gian công khai các nội dung

- Tháng 9/2021;

- Tháng 12/2021

- Tháng 6/2022 (*trước khi tuyển sinh*);

- Khi có thông tin mới hoặc thay đổi nội dung liên quan.

4. Hình thức công khai đã thực hiện

- Công khai trong Hội nghị cán bộ, công chức của đơn vị

- Thông báo tại các kỳ họp phụ huynh

- Gửi bằng văn bản cho các cá nhân, bộ phận có liên quan, cha mẹ học sinh

- Niêm yết tại bảng tin đơn vị

- Công khai trên website của nhà trường.

5. Việc đánh giá, rút kinh nghiệm và lưu trữ hồ sơ, biểu mẫu về công tác công khai

- Hồ sơ được hoàn thiện, lưu trữ đầy đủ, các biểu mẫu được gửi nộp, lưu trữ, và công khai dưới mọi hình thức.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác kiểm tra nội bộ, công tác công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính.

- Hồ sơ được sắp xếp, mã hóa khoa học, đầy đủ.

3. Hiệu quả, tác động thông qua việc thực hiện công tác công khai

- Đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh học sinh đều năm được quy chế 3 công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính và thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Đối với cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân địa phương đã thấy được việc thực hiện quy chế công khai đầy đủ của nhà trường.

Trên đây báo cáo kết quả việc thực hiện công tác công khai năm học 2021 - 2022, Trường mầm non Tiên Minh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Phòng GDDT;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Miên



BIỂU MẪU 01

PGD&ĐT HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MN TIÊN MINH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non,
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được 97%	<ul style="list-style-type: none">- Cuối học kỳ II năm học 2021-2022 có 96% trẻ cân nặng, chiều cao 95% bình thường.- Giảm tỉ lệ trẻ SDD so với cân đo đợt I là 2-3%.- Không còn trẻ SDD thể thấp còi MĐ2	<ul style="list-style-type: none">- Cuối học kỳ II năm học 2021-2022 có 98% trẻ cân nặng, chiều cao bình thường.- Giảm tỉ lệ trẻ SDD so với cân đo đợt I, II là 2%.- Không còn trẻ SDD thể thấp còi MĐ2
II	Chương trình giáo dục mầm non nhà trường đang thực hiện	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-GDDT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo)	Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo và Thông tư số 28/2016/TT-GDDT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo)
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các	<ul style="list-style-type: none">- Cuối học kỳ II theo 4 lĩnh vực phát triển:	<ul style="list-style-type: none">- Cuối học kỳ II theo 5 lĩnh vực phát triển:

	lĩnh vực phát triển	+ PTTC: 93% đạt yêu cầu độ tuổi + PTNN: 91% + PTNT: 90% + PTTM: 92% + TCXH-TM:89%	+ PTTC: 96% đạt yêu cầu độ tuổi + PTNN: 94% + PTNT: 94% + PTTM: 94% + TCXH: 93%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Thực hiện Tốt - Đảm bảo đầy đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.	Thực hiện Tốt - Đảm bảo đầy đủ đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ.

Tiên Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Biền

BIỂU MẪU 02

PGD&ĐT HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MN TIÊN MINH

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế
Năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	413		24	62	98	118	111
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	413		24	62	98	118	111
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	01						
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	413		24	62	98	118	111
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	413		24	62	98	118	111
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	413		24	62	98	118	111
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	413		24	62	98	118	111
1	<i>Số trẻ cân nặng bình thường</i>	407		24	62	95	116	110
2	<i>Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân</i>	1		0	0	0	0	1

3	Số trẻ có chiều cao bình thường	412		24	62	98	118	110
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	1		0	0	0	0	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	5		0	0	3	2	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	86		24	62			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	327				98	118	111

Tiên Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Biên

BIỂU MẪU 03

PGD&ĐT HUYỆN TIÊN LÃNG
TRƯỜNG MN TIÊN MINH

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	14	Số m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	756
2	Phòng học bán kiên cố	14	-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	03	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường(m²)	4.224,37 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1.216 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng	1.698 m ²	
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	756 m ²	2.016m ² /trẻ
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	756 m ²	2.016 m ² /trẻ
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	154 m ²	0.41 m ² /trẻ
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	462 m ²	1.232 m ² /trẻ
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	54 m ²	0.144 m ² /trẻ
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	162m ²	0.432 m ² /trẻ



7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	110 m ²	0.293 m ² /trẻ
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	1.330	95 bộ/1 lớp, nhóm
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	70	5 bộ/1 lớp, nhóm
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	50	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	20	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy in	06	
2	Đầu vi deo, loa máy	02	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung (NT)	Nam/Nữ (MG)	Chung (NT)	Nam/Nữ (MG)
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	30 m ²	33m ²	121 m ²	0.79 m ² /trẻ	0.36 m ² /trẻ
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số

27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
XVII	Cổng trường	X	

Tiên Minh, ngày 30 tháng 4 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Miền

	viên văn thư													
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế													
5	Nhân viên khác													

Tiên Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị



HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Miền